

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỚP: 12CD-02 SĨ SỐ: 42

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG KẾT HỌC TẬP NĂM HỌC 2014 - 2015

| Số thứ tự | HỌC PHẦN   |                    |          |           |            |          |            |          |            |          | Ôtô 1      | Ôtô 2    | Hệ thống điện và điện từ ôtô |          |            |          |            | Thực tập Kỹ thuật lái xe | Thực tập Động cơ 2 | Thực tập Ôtô 1 | Thực tập Điện ôtô 1 |          |            |          |            | Thực tập Diesel | Thực tập Ô tô 2 | Thực tập Điện Ô tô 2 | Thực tập Tốt nghiệp | TBC HỌC TẬP | KẾT QUẢ RÈN LUYỆN | XẾP LOẠI HT  |            | KHEN THƯỞNG | GHI CHÚ |   |   |
|-----------|------------|--------------------|----------|-----------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------------------------|----------|------------|----------|------------|--------------------------|--------------------|----------------|---------------------|----------|------------|----------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|---------------------|-------------|-------------------|--------------|------------|-------------|---------|---|---|
|           | SỐ ĐVHT    |                    |          |           |            |          |            |          |            |          |            |          |                              | 5        |            | 2        |            |                          |                    |                |                     | 5        |            |          |            |                 |                 |                      |                     |             |                   |              |            |             |         | 1 |   |
|           | MSSV       | Họ tên sinh viên   | HỆ CHUẨN | NGÀY NGHỈ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính                   | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ                 | TKHP Chính         | TKHP Phụ       | TKHP Chính          | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ | TKHP Chính | TKHP Phụ        | TKHP Chính      | TKHP Phụ             | TKHP Chính          | TKHP Phụ    |                   | Kỳ thi Chính | Kỳ thi Phụ |             |         |   |   |
|           |            |                    |          |           |            |          |            |          |            |          |            |          |                              |          |            |          |            |                          |                    |                |                     |          |            |          |            |                 |                 |                      |                     |             |                   |              |            |             |         | P | K |
| (1)       | (2)        | (3)                | (4)      | (5)       | (6)        | (7)      | (8)        | (9)      | (10)       | (11)     | (12)       | (13)     | (14)                         | (15)     | (16)       | (17)     | (18)       | (19)                     | (20)               | (21)           | (22)                | (23)     | (24)       | (25)     | (26)       | (27)            | (28)            | (29)                 | (30)                | (31)        | (32)              | (33)         | (34)       |             |         |   |   |
| 1         | 12D2050002 | Trần Trọng An      |          | 0         | 1          | 7        |            | 7        | 7          |          |            |          |                              | 8        | 7          | 8        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 7        | 9          | 7.27            |                 | 76                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 2         | 10D0030006 | Viên Tiểu Bảo      |          | 0         | 13         | 6        |            | 6        | 4          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 5          | 0                        |                    |                |                     | 0        | 0          | 0        | 0          | 2.68            |                 | 22                   | Kém                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 3         | 12D2050008 | Nguyễn Thế Dân     |          | 3         | 6          | 6        |            | 6        | 4          | 4        |            |          |                              | 6        | 5          | 5        | 5          | 7                        |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 8          | 5.89            | 5.89            | 65                   | T.Bình              | T.Bình      |                   |              |            |             |         |   |   |
| 4         | 12D2050012 | Nguyễn Quốc Dũng   |          | 0         | 0          | 6        |            | 8        | 6          |          |            |          |                              | 6        | 5          | 6        | 6          | 7                        |                    |                |                     | 5        | 5          | 8        | 9          | 6.59            |                 | 71                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 5         | 12D2050013 | Phạm Anh Dũng      |          | 0         | 4          | 7        |            | 9        | 9          |          |            |          |                              | 7        | 8          | 8        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 7        | 10         | 7.86            |                 | 76                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 6         | 12D2050018 | Nguyễn Hữu Đức     |          | 0         | 9          | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 5          | 7        | 10         | 7.05            |                 | 65                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 7         | 12D2050020 | Võ Minh Giàu       |          | 0         | 0          | 8        |            | 8        | 9          |          |            |          |                              | 7        | 7          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 7          | 8        | 10         | 7.95            |                 | 75                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 8         | 12D2050022 | Tô Công Hậu        |          | 0         | 3          | 7        |            | 8        | 9          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 6        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 5          | 8        | 9          | 7.32            |                 | 70                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 9         | 12D2050028 | Nguyễn Văn Hợp     |          | 0         | 4          | 6        |            | 7        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 5          | 7        | 10         | 6.78            |                 | 66                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 10        | 10D0030232 | Cao Thế Huân       |          | 0         | 2          | 6        |            | 8        | 6          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 6        | 5          | 8        | 9          | 6.70            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 11        | 12D2050030 | Vũ Quốc Hưng       |          | 0         | 0          | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 8        | 6          | 6        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 9          | 7.08            |                 | 73                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 12        | 10D0030247 | Nguyễn Hoàng Khánh |          | 0         | 20         | 6        |            | 5        | 5          |          |            |          |                              | 6        | 5          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 4        | 5          | 7        | 3          | 5.08            |                 | 48                   | T.Bình              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 13        | 11D0030273 | Nguyễn Trung Kiên  |          | 3         | 16         | 6        |            | 6        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 5        | 8          | 5.97            |                 | 57                   | T.Bình              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 14        | 12D2050037 | Lê Tuấn Kiệt       |          | 0         | 2          | 6        |            | 8        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 5          | 8        | 9          | 6.57            |                 | 71                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 15        | 11D0030277 | Nguyễn Đoàn Lâm    |          | 0         | 10         | 5        |            | 5        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 8          | 5.86            |                 | 60                   | T.Bình              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 16        | 12D2050039 | Nguyễn Thế Lâm     |          | 1         | 1          | 6        |            | 5        | 6          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 4        | 6          | 8        | 9          | 6.38            |                 | 70                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 17        | 12D2050043 | Lê Minh Luân       |          | 2         | 8          | 6        |            | 8        | 6          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 7        | 9          | 6.78            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 18        | 12D2050047 | Đặng Hữu Nghĩa     |          | 0         | 0          | 6        |            | 8        | 8          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 10         | 7.30            |                 | 68                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 19        | 12D2050051 | Phạm Tuấn Nhựt     |          | 0         | 7          | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 6        | 6          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 9          | 7.11            |                 | 70                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 20        | 11D0030323 | Nguyễn Long Phi    |          | 4         | 23         | 7        |            | 6        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 7          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 4        | 6          | 6        | 7          | 6.11            |                 | 54                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 21        | 12D2050053 | Nguyễn Ngọc Phú    |          | 2         | 5          | 6        |            | 6        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 7          | 6.16            |                 | 67                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 22        | 12D2050055 | Đỗ Mạnh Phúc       |          | 21        | 3          | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 6        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 6        | 7          | 6.46            |                 | 65                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 23        | 12D2050059 | Trần Quang         |          | 7         | 3          | 7        |            | 6        | 6          |          |            |          |                              | 8        | 6          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 7          | 6.27            |                 | 70                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 24        | 12D2050095 | Võ Minh Quang      |          | 4         | 8          | 7        |            | 8        | 6          |          |            |          |                              | 8        | 7          | 7        | 8          |                          |                    |                |                     | 7        | 6          | 8        | 8          | 7.19            |                 | 76                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 25        | 12D2050061 | Đỗ Huy Sĩ          |          | 0         | 2          | 7        |            | 8        | 8          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 6        | 5          | 8        | 10         | 7.35            |                 | 70                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 26        | 11D0030350 | Hà Tuấn Tài        |          | 1         | 5          | 6        |            | 8        | 6          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 0          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 5        | 9          | 5.81            |                 | 64                   | T.Bình              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 27        | 12D2050063 | Trần Văn Thái      |          | 0         | 2          | 6        |            | 7        | 9          |          |            |          |                              | 8        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 5          | 8        | 9          | 7.00            |                 | 69                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 28        | 12D2050069 | Trần Quang Thành   |          | 0         | 1          | 8        |            | 7        | 9          |          |            |          |                              | 7        | 7          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 9          | 7.41            |                 | 70                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 29        | 11D0030385 | Nguyễn Anh Thiệt   |          | 1         | 3          | 8        |            | 6        | 7          |          |            |          |                              | 8        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 7          | 7        | 9          | 7.03            |                 | 69                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 30        | 12D2050071 | Nguyễn Đỗ Thịnh    |          | 0         | 0          | 7        |            | 8        | 8          |          |            |          |                              | 8        | 6          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 9          | 7.22            |                 | 68                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 31        | 12D2050072 | Nguyễn Đức Thịnh   |          | 0         | 5          | 6        |            | 8        | 9          |          |            |          |                              | 6        | 7          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 8        | 9          | 7.41            |                 | 70                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 32        | 12D2050075 | Nguyễn Thanh Thuận |          | 6         | 2          | 7        |            | 7        | 7          |          |            |          |                              | 6        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 7          | 6.32            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 33        | 12D2050077 | Nguyễn Văn Tĩ      |          | 0         | 3          | 6        |            | 8        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 7        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 7        | 9          | 6.65            |                 | 69                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 34        | 11D0030397 | Trương Văn Tiến    |          | 2         | 19         | 6        |            | 5        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 8          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 8        | 8          | 6.59            |                 | 59                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 35        | 12D2050081 | Trịnh Vĩ Toàn      |          | 0         | 1          | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 7        | 9          | 6.81            |                 | 69                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 36        | 11D0030416 | Trương Hiếu Trung  |          | 1         | 6          | 7        |            | 7        | 7          |          |            |          |                              | 8        | 5          | 5        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 6        | 8          | 6.46            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 37        | 12D2050087 | Lê Xuân Tú         |          | 1         | 5          | 7        |            | 6        | 7          |          |            |          |                              | 8        | 6          | 6        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 10         | 7.05            |                 | 80                   | Khá                 |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 38        | 11D0030016 | Lê Tiến Dũng       |          | 0         | 2          | 7        |            | 7        | 6          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 6        | 7          |                          |                    |                |                     | 6        | 6          | 7        | 9          | 6.86            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 39        | 11D0030080 | Lê Văn Nhựt        |          | 2         | 1          | 6        |            | 6        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 7          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 5        | 9          | 6.14            |                 | 62                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 40        | 11D0030083 | Cao Lê Hồng Phát   |          | 3         | 11         | 7        |            | 8        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 7          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 8        | 8          | 6.97            |                 | 62                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 41        | 11D0030147 | Hồ Nhật Tiến       |          | 0         | 2          | 7        |            | 7        | 7          |          |            |          |                              | 7        | 6          | 7        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 7        | 9          | 6.92            |                 | 68                   | TB Khá              |             |                   |              |            |             |         |   |   |
| 42        | 11D0030441 | Cao Đình Vũ        |          | 4         | 12         | 6        |            | 5        | 5          |          |            |          |                              | 7        | 5          | 5        | 6          |                          |                    |                |                     | 5        | 6          | 5        | 8          | 5.84            |                 | 61                   | T.Bình              |             |                   |              |            |             |         |   |   |

| THÔNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP                   |               |       |         |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
|--------------------------------------------|---------------|-------|---------|-------------|-----|--------------------|--|--------------------|--|--------------------|--|---------------------|--|--|--|
| (căn cứ vào điểm trung bình chung học tập) |               |       |         | SL 42 SV    | %   | Ngày tháng năm 201 |  | Ngày tháng năm 201 |  | Ngày tháng năm 201 |  |                     |  |  |  |
| Loại Xuất sắc                              | (9 đến 10)    | 0 SV  | 0 %     | HIỆU TRƯỞNG |     |                    |  | TRƯỞNG KHOA        |  |                    |  | GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM |  |  |  |
| Loại Giỏi                                  | (8 đến cận 9) | 0 SV  | 0 %     |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Loại Khá                                   | (7 đến cận 8) | 16 SV | 38.1 %  |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Loại Trung bình khá                        | (6 đến cận 7) | 19 SV | 45.24 % |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Loại Trung bình                            | (5 đến cận 6) | 6 SV  | 14.29 % |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Loại Yếu                                   | (4 đến cận 5) | 0 SV  | 0 %     |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Loại Kém                                   | (dưới 4)      | 1 SV  | 2.38 %  |             |     |                    |  |                    |  |                    |  |                     |  |  |  |
| Chưa đủ dữ liệu để xếp loại                |               |       |         | 0 SV        | 0 % |                    |  |                    |  | Hoàng Phúc Bảo     |  |                     |  |  |  |